TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 165/2026/DS-ST Ngày 19-6-2026 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Vững

Ông Trần Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hà –Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 19 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2026/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ trụ sở chính: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông D: Ông Lê Đức L – Trưởng phòng Xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp M – Trung tâm THN KHGDN và Xử lý nợ pháp lý.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông L: Ông Lê Hoài T – Chuyên viên xử lý nợ và ông Nguyễn Văn Đ – Trưởng bộ phận xử lý nợ. Địa chỉ liên hệ: Số F L, phường L, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh L1, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: Tổ H, ấp V, xã P, tỉnh Tây Ninh.

(Ông T có mặt, ông L1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án của

người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V có nội dung như sau:

Ông Nguyễn Thanh L1 đã ký kết với Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là V1) Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2312311416554 ngày 03/01/2024, với hạn mức là 66.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Ngày 04/01/2024, V1 đã giải ngân cho ông L1 số tiền trên. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L1 đã sử dụng 464.665.880 đồng, đã trả được số tiền 402.008.090 đồng (trong đó gốc 398.688.290 đồng, lãi 3.300.000 đồng và phí 19.800 đồng). Tính đến ngày 04/7/2025, ông L1 còn nợ V1 số tiền gốc 95.134.756 đồng.

Vì vậy V1 khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Thanh L1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 04/7/2025 là 95.134.756 đồng.

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 05/7/2025 cho đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho V1 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L1 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa,

Ông Lê Hoài T là người đại diện theo ủy quyền của V1 trình bày: V1 đề nghị xem xét buộc ông L1 trả số tiền nợ tính đến ngày 19/6/2026 là 142.792.968 đồng, trong đó nợ gốc là 65.977.590 đồng, nợ lãi là 76.815.378 đồng. Đề nghị tiếp tục tính lãi kể từ ngày 20/6/2026 cho đến khi ông L1 trả hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh L1 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn đang cư trú tại xã P, tỉnh Tây Ninh nên căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Tây Ninh có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Xét thấy bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án:

[3] Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các đương sự cung cấp, có cơ sở xác định: Ông Nguyễn Thanh L1 đã ký kết với V1 Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng số LN2312311416554 ngày 03/01/2024, với hạn mức là 66.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích tiêu dùng cá nhân.

[4] Thực hiện hợp đồng, ngày 04/01/2024, V1 đã giải ngân cho ông L1 số tiền trên. Ông L1 đã sử dụng 464.665.880 đồng, đã trả được số tiền 402.008.090 đồng (trong đó gốc 398.688.290 đồng, lãi 3.300.000 đồng và phí 19.800 đồng). Tính đến ngày 19/6/2026, ông L1 còn nợ V1 số tiền gốc 65.977.590 đồng, nợ lãi là 76.815.378 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 142.792.968 đồng.

[5] Do ông L1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng ký kết với V1 nên V1 khởi kiện yêu cầu buộc ông L1 trả số tiền nợ trên là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024.

[6] Về án phí sơ thẩm: Buộc ông L1 phải chịu 7.139.648 đồng án phí sơ thẩm. Hoàn trả cho V1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 và 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 299, 323, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 100 và Điều 103 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Thanh L1.

Buộc ông Nguyễn Thanh L1 phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ tính đến ngày 19/6/2026 là 142.792.968 đồng, trong đó nợ gốc là 65.977.590 đồng, nợ lãi là 76.815.378 đồng.

Kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì ông Nguyễn Thanh L1 còn phải chịu tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa ông Nguyễn Thanh L1 với Ngân hàng TMCP V.

2. Về án phí sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Thanh L1 phải chịu 7.139.648 đồng án phí sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 2.378.369 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0002823 ngày 05/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 7;
- Phòng THADS khu vực 7;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Công Danh – Nguyễn Minh Chí	**Nguyễn Thị Thanh Tuyền**

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bạch Huệ - Phạm Hoàng Diễm Trang **Trần Tấn Quốc**

[3] Các đương sự thống nhất được các nội dung theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự như sau:

[4] - Tài sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế và chia tài sản chung gồm:

[5] QSDĐ thửa 147, loại đất thổ, diện tích 913m^2 (đo đạc thực tế là 913m^2), tờ bản đồ số 3; thửa 1687, loại đất lúa, diện tích 2.085m^2 (đo đạc thực tế là 1.950m^2), tờ bản đồ số 2; đều tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Các tài sản khác gồm công trình xây dựng (nhà 1, mái che 3, hồ tròn di chuyển được, giếng nước), tài sản trong nhà đã qua sử dụng (chịn dài, ghế đai, bộ ghế salon, tủ thờ, chịn thờ, tủ tivi, tủ áo, đi-văng, tu nhỏ, giường, chịn tròn), xe máy đã qua sử dụng (xe Honda city) và cây trồng trên đất (mai vàng): Hiện do ông B đang quản lý sử dụng.

- Theo Mảnh trích đo địa chính số 853-2020 do Công ty TNHH Đ1 vẽ ngày 30/9/2020, được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện C ký duyệt ngày 05/10/2020 và bản vẽ phân khu ngày 06/4/2022 của Công ty TNHH Đ2 (đính kèm bản án này); Chứng thư thẩm định giá số Vc 20/12/04/TS-LA ngày 07/12/2020 của Công ty Cổ phần thông tin và Thẩm định giá miền N.